BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7131/QĐ-ĐHĐT

*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 10 năm 2026

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định số 6410/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và số lượng tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;*

*Căn cứ Quyết định số 6962/QĐ-HĐTS ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định điểm chuẩn tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 10 năm 2026;*

*Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 10 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 42 *(bốn mươi hai)* thí sinh trúng tuyển các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tháng 10 năm 2026 của Trường Đại học Đồng Tháp.

*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Nhiệm vụ và quyền hạn của thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ký số tại DThU, xác thực chữ ký tại https://do.dthu.edu.vn/xac-nhan-ky-so

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Trưởng đơn vị liên quan, các Trưởng chuyên ngành và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Vụ Giáo dục Đại học (để báo cáo);
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, ĐTSĐH, NH.

**HIỆU TRƯỞNG**




**Trương Tấn Đạt**

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số 7131/QĐ-ĐHĐT, ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

| TT | Họ và tên | | Ngày sinh | Ngành/Chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Khối ngành I** | | | |
| 1 | Nguyễn Thúy | An | 09/05/1997 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 2 | Mai Ngọc Kỳ | Duyên | 13/11/1997 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh | Giang | 27/12/1980 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 4 | Huỳnh Thị Ngọc | Linh | 03/10/1996 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 5 | Nguyễn Thị Kim | Loan | 01/01/1999 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 6 | Phạm Thị Thu | Loan | 15/08/1990 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 7 | Cao Thị | Mai | 04/03/1995 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 8 | Lê Thị Tuyết | Nhung | 29/09/1983 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 9 | Lê Trọng | Quân | 04/12/1989 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 10 | Nguyễn Thị | Sâm | 19/01/1985 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 11 | Huỳnh Thị | Thúy | 25/03/1998 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 12 | Nguyễn Thị Ngọc | Trâm | 07/06/2003 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 13 | Nguyễn Thị Thu | Uyên | 03/10/1997 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| 14 | Ân Hoàng | Vũ | 31/07/1998 | Giáo dục học (Giáo dục Chính trị) |
| **B** | **Khối ngành VII** | | | |
| 15 | Nguyễn Thị Kim | Hồng | 13/12/1991 | Quản lý kinh tế |
| 16 | Bùi Tuấn | Huy | 23/06/2003 | Quản lý kinh tế |
| 17 | Trần Thanh | Lâm | 06/01/2002 | Quản lý kinh tế |
| 18 | Trương Thị Hồng | Liên | 13/05/1989 | Quản lý kinh tế |
| 19 | Lý Như | Ngọc | 07/02/2002 | Quản lý kinh tế |
| 20 | Nguyễn Đức | Quang | 29/04/1993 | Quản lý kinh tế |
| 21 | Nguyễn Phương | Thúy | 09/01/1986 | Quản lý kinh tế |
| 22 | Trần Bảo | Trang | 03/04/1992 | Quản lý kinh tế |
| 23 | Võ Thị Thùy | Trang | 13/02/1981 | Quản lý kinh tế |
| 24 | Dương Thị Mai | Trinh | 21/08/1995 | Quản lý kinh tế |
| 25 | Nguyễn Văn | Việt | 09/01/1988 | Quản lý kinh tế |
| 26 | Lê Ngọc | Châu | 21/02/1989 | Quản lý kinh tế |
| 27 | Trần Công | Đoàn | 10/05/1985 | Quản lý kinh tế |

| TT | Họ và tên | | Ngày sinh | Ngành/Chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 28 | Nguyễn Thị Ngọc | Dung | 13/10/1983 | Quản lý kinh tế |
| 29 | Nguyễn Thị Cẩm | Giang | 24/06/1993 | Quản lý kinh tế |
| 30 | Huỳnh Thị Kim | Huệ | 01/01/1982 | Quản lý kinh tế |
| 31 | Phạm Thị Minh | Hương | 27/07/1999 | Quản lý kinh tế |
| 32 | Đào Thị Trúc | Liên | 15/04/1987 | Quản lý kinh tế |
| 33 | Nguyễn Xuân | Lộc | 19/05/1983 | Quản lý kinh tế |
| 34 | Lê Kim | Ngân | 02/08/1991 | Quản lý kinh tế |
| 35 | Võ Thị | Ngợi | 12/11/1988 | Quản lý kinh tế |
| 36 | Phạm Thị Hồng | Nhung | 07/04/1988 | Quản lý kinh tế |
| 37 | Ngô Thị Ngọc | Phiến | 22/10/1984 | Quản lý kinh tế |
| 38 | Nguyễn Thị Ngọc | Sương | 26/03/1985 | Quản lý kinh tế |
| 39 | Trương Công | Thành | 24/07/1997 | Quản lý kinh tế |
| 40 | Lê Thị Anh | Thư | 28/01/1991 | Quản lý kinh tế |
| 41 | Trần Bảo | Toàn | 02/01/1991 | Quản lý kinh tế |
| 42 | Nguyễn Thanh | Tuyền | 30/10/1989 | Quản lý kinh tế |

*Danh sách này gồm có 42 (bốn mươi hai) người./.*